

DANH SÁCH

Công chức đủ điều kiện dự thi Kiểm sát viên sơ cấp ngành KSND năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: 1252/QĐ-HĐTT ngày 17 tháng 12 năm 2025 của
Viện trưởng VKSND tối cao, Chủ tịch Hội đồng thi tuyển KSV)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
I	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VKSND TỐI CAO (36 người)					
1	Phạm Thị Khánh Ly		1/1/1995	Kiểm tra viên	Vụ 2	
2	Nguyễn Thảo Trang		12/11/1998	Kiểm tra viên	Vụ 2	
3	Uông Thị Ngọc Lâm		1/1/1987	Kiểm tra viên	Vụ 7	
4	Nguyễn Thành Đông	17/7/1995		Kiểm tra viên	Vụ 7	
5	Lê Thị Ngọc Anh		13/7/1994	Kiểm tra viên	Vụ 7	
6	Nguyễn Thúy Quỳnh		29/6/1995	Kiểm tra viên	Vụ 7	
7	Nguyễn Thị Mai Linh		10/10/1995	Kiểm tra viên	Vụ 7	
8	Lê Đức Anh	10/4/1995		Kiểm tra viên	Vụ 7	
9	Trần Văn Phú	15/7/1976		Kiểm tra viên	Vụ 9	
10	Lê Thị Thanh Phương		9/6/1994	Kiểm tra viên	Vụ 10	
11	Nguyễn Nam Anh	17/6/1995		Kiểm tra viên	Vụ 10	
12	Trịnh Thị Ngọc		15/9/1994	Kiểm tra viên	Vụ 10	
13	Ngô Thu Trang		4/5/1993	Kiểm tra viên	Vụ 10	
14	Phạm Thị Bích Thảo		6/2/1978	Kiểm tra viên	Vụ 12	
15	Đỗ Đức Cường	2/9/1995		Kiểm tra viên	Vụ 13	
16	Nguyễn Trần Hạnh Uyên		15/12/1996	Kiểm tra viên	Vụ 14	
17	Nguyễn Trọng Tiến	20/9/1995		Kiểm tra viên	Vụ 14	
18	Trần Trọng Hoàn	19/2/1997		Kiểm tra viên	Vụ 14	
19	Võ Thị Thanh Hà		19/9/1987	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 1	
20	Lê Thanh Nghị	20/11/1981		Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 1	
21	Phan Thị Hồng Liên		25/11/1995	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 1	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
22	Nguyễn Đình Tú	5/8/1995		Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 1	
23	Vũ Huyền Trang		21/8/1991	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 1	
24	Nguyễn Thị Như Quỳnh		10/5/1996	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 2	
25	Nguyễn Đức Minh	15/10/1981		Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 3	
26	Phan Thị Minh		4/2/1994	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 3	
27	Lê Vân Anh		16/9/1993	Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 3	
28	Trần Xuân Thao	15/1/1996		Kiểm tra viên	Viện phúc thẩm 3	
29	Nguyễn Ngọc Sơn	25/5/1994		Kiểm tra viên	Thanh tra	
30	Lại Quang Sơn	5/8/1989		Kiểm tra viên	Văn phòng	
31	Vũ Thị Mai		2/7/1995	Kiểm tra viên	Văn phòng	
32	Nguyễn Liên Ngọc		4/8/1996	Kiểm tra viên	Văn phòng	
33	Nguyễn Huy Tài	4/8/1997		Kiểm tra viên	Văn phòng	
34	Nguyễn Như Quỳnh		15/4/1985	Kiểm tra viên	Cục 2	
35	Lê Thị Thanh Thảo		4/11/1990	Kiểm tra viên	Cục 2	
36	Phạm Thanh Hằng		19/4/1995	Kiểm tra viên	Cục 2	
II	VKS QUÂN SỰ (26 người)					
1	Đỗ Tiến Hường	16/2/1989		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 12 Quân khu 1	
2	Nguyễn Thị Vân Anh		27/8/1993	Chuyên viên	VKSQS Quân khu 2	
3	Phạm Minh Đắc	1/6/1990		Chuyên viên	VKSQS khu vực 21 Quân khu 2	
4	Nguyễn Linh Chi		21/8/1998	Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 21 Quân khu 2	
5	Nguyễn Bá Kiên	26/10/1998		Chuyên viên	VKSQS khu vực 22 Quân khu 2	
6	Nguyễn Đình Thỏa	23/1/1990		Kiểm tra viên	VKSQS Quân khu 3	
7	Nguyễn Duy Phong	22/7/1994		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 31 Quân khu 3	
8	Nguyễn Tiến Hoàng	24/6/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 31 Quân khu 3	
9	Trịnh Văn Nam	19/7/1997		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 33 Quân khu 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
10	Hoàng Anh Kiệt	16/9/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 42 Quân khu 4	
11	Nguyễn Văn Thành	25/10/1995		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 43 Quân khu 4	
12	Nguyễn Việt Khánh	1/4/1997		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 71 Quân khu 7	
13	Phạm Công Thành Đạt	28/7/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 71 Quân khu 7	
14	Đình An	3/12/1987		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 72 Quân khu 7	
15	Đặng Thanh Duy	16/6/1996		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 72 Quân khu 7	
16	Trần Khắc Quyết	10/5/1987		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 73 Quân khu 7	
17	Nguyễn Huy Sơn	27/4/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 73 Quân khu 7	
18	Cao Hồng Sơn	29/3/1997		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực thủ đô Hà Nội	
19	Vũ Trung Anh	6/9/1998		Kiểm tra viên	VKSQS Bộ đội biên phòng	
20	Phạm Anh Tuấn	28/10/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 1 Bộ đội biên phòng	
21	Hoàng Đăng Luân	11/4/1998		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 1 Bộ đội biên phòng	
22	Vũ Hoài Thanh	21/6/1994		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 2 Bộ đội biên phòng	
23	Trần Nhật Minh Hải	20/4/1996		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 2 Bộ đội biên phòng	
24	Nguyễn Văn Tài	20/6/1996		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 2 Bộ đội biên phòng	
25	Hoàng Thị Thùy Trang		2/1/1996	Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 2 Bộ đội biên phòng	
26	Huỳnh Kim Phước	17/12/1996		Kiểm tra viên	VKSQS khu vực 2 QCPKKQ	
III	VKSND TỈNH, THÀNH PHỐ					
1. VKSND tỉnh An Giang (01 người)						
1	Danh Thanh Lâm	10/7/1992		Kiểm tra viên	Phòng 1	
2. VKSND tỉnh Bắc Ninh (26 người)						
1	Nguyễn Thị Huyền		12/9/1997	Kiểm tra viên	Thanh tra - Khiếu tố	
2	Nguyễn Thị Phương Hoa		16/7/1995	Kiểm tra viên	Văn phòng	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
3	Nguyễn Thị Hải Hà		27/10/1995	Kiểm tra viên	Phòng 2	
4	Vũ Quỳnh Hương		4/1/1996	Kiểm tra viên	Phòng 7	
5	Nguyễn Xuân Trường	26/4/1984		Kiểm tra viên	Phòng 7	
6	Nguyễn Tuấn Quang	13/10/1993		Kiểm tra viên	Phòng 10	
7	Ngô Tuấn Hùng	6/2/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
8	Phạm Thị Hồng		10/2/1997	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
9	Hoàng Thị Quyên		11/3/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
10	Nguyễn Thị Huyền		13/11/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
11	Đỗ Thành Nam	1/8/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
12	Nguyễn Bảo Ngọc		5/11/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
13	Nguyễn Hoàng Dũng	12/9/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
14	Lương Đức Huyền	10/1/1987		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
15	Nguyễn Tài Dương	2/7/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
16	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh		10/12/1989	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
17	Nguyễn Đình Khánh	9/3/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
18	Lê Thị Thúy Diệp		6/6/1985	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
19	Nguyễn Mạnh Linh	18/2/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
20	Vũ Thị Minh Phương		21/12/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
21	Vũ Văn Đại	23/4/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
22	Nguyễn Thanh Thanh	29/3/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
23	Nguyễn Đăng Tuấn	12/5/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
24	Đoàn Thị Ngọc		16/12/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
25	Nguyễn Văn Thạo	31/03/1989		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
26	Nguyễn Thị Tuyết Mai		4/7/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	

3. VKSND tỉnh Cà Mau (08 người)

1	Lâm Thu Trang		11/10/1988	Kiểm tra viên	Văn phòng	
---	---------------	--	------------	---------------	-----------	--

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
2	Quách Thị Kiều Duyên		11/2/1985	Kiểm tra viên	Phòng 7	
3	Phạm Minh Quận	12/2/1985		Kiểm tra viên	Phòng 9	
4	Lê Anh Thư		28/10/1991	Kiểm tra viên	Thanh tra - Khiếu tố	
5	Nguyễn Chí Thức	5/5/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
6	Nguyễn Thị Phương Hồng Thủy		8/8/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
7	Nguyễn Hoàng Bảo	15/9/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
8	Lê Thế Duyệt	29/7/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	

4. VKSND thành phố Cần Thơ (12 người)

1	Nguyễn Minh Hiếu	13/06/1995		Kiểm tra viên	Phòng 1	
2	Nguyễn Văn Phải	7/12/1991		Kiểm tra viên	Phòng 2	
3	Trần Ngọc Thảo		11/4/1997	Kiểm tra viên	Phòng 2	
4	Huỳnh Văn Toàn	11/12/1992		Kiểm tra viên	Phòng 7	
5	Hầu Thị Bích Thủy		14/6/1985	Kiểm tra viên	Phòng 9	
6	Huỳnh Tú Tâm		10/5/1984	Kiểm tra viên	Phòng 15	
7	Trần Thị Cẩm Nhung		28/01/1993	Kiểm tra viên	Phòng 15	
8	Trần Minh Luân	8/6/1992		Kiểm tra viên	Thanh tra - Khiếu tố	
9	Nguyễn Phát Tài	20/7/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
10	Trương Hoàng Hải	1/6/1985		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
11	Bùi Nguyễn Khánh Huyền		21/6/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
12	Trần Minh Luân	19/06/1987		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	

5. VKSND thành phố Đà Nẵng (16 người)

1	Lê Thị Như Quỳnh		5/10/1994	Kiểm tra viên	Phòng 3	
2	Phan Hồng Anh	14/7/1994		Kiểm tra viên	Phòng 7	
3	Võ Phạm Khanh	25/4/1993		Kiểm tra viên	Phòng 8	
4	Đỗ Thị Kim Hiền		21/10/1983	Kiểm tra viên	Phòng 9	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
5	Lê Phan Tấn Hoàng	10/6/1997		Kiểm tra viên	Thanh tra - Khiếu tố	
6	Đặng Thị Lâm		11/1/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
7	Phạm Trung Hiếu	2/12/1984		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
8	Huỳnh Thị Trúc Bin		1/1/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
9	Phạm Thị Hồng Đào		6/1/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
10	Lê Tấn Quý	10/2/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
11	Lương Văn Quý	12/7/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
12	Nguyễn Văn Tâm	27/4/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
13	Võ Văn Thiện	29/9/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
14	Thủy Thanh Nhân	19/5/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
15	Nguyễn Thị Thu Sương		25/9/1996	Chuyên viên	VKSND khu vực 11	
16	Trần Thanh Tùng	20/11/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	

6. VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 người)

1	Lê Hồng Nhung		12/12/1998	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
2	Ngô Thị Quỳnh Như		29/01/1997	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	

7. VKSND tỉnh Điện Biên (04 người)

1	Nguyễn Thị Vân Anh		30/4/1995	Kiểm tra viên	Văn phòng	
2	Vàng Thị Sao Mai		15/9/1996	Kiểm tra viên	Văn phòng	
3	Mùa A Tú	14/9/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
4	Triệu Việt Biên	29/5/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	

8. VKSND tỉnh Đồng Nai (26 người)

1	Hoàng Mai Ly		2/10/1992	Kiểm tra viên	Phòng 2	
2	Bùi Đức Diễm	6/8/1994		Kiểm tra viên	Phòng 2	
3	Lê Thị Yến		11/4/1993	Kiểm tra viên	Phòng 7	
4	Nguyễn Tự Do	22/4/1983		Kiểm tra viên	Phòng 8	
5	Nguyễn Thị Hiền		19/01/1993	Kiểm tra viên	Phòng 9	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc		11/12/1993	Kiểm tra viên	Phòng 9	
7	Trần Mỹ Hạnh		9/1/1996	Kiểm tra viên	Phòng 9	
8	Hoàng Văn Công	3/10/1988		Kiểm tra viên	Văn phòng	
9	Vũ Thành Minh	18/10/1982		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
10	Cao Thị Thanh Huyền		24/10/1987	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
11	Ma Thế Việt	10/10/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
12	Nguyễn Huy Thành	23/11/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
13	Nguyễn Thị Thanh		1/5/1981	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
14	Cao Xuân Dũng	2/9/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
15	Nguyễn Văn Hoan	26/3/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
16	Phạm Thị Thu Hiền		20/4/1982	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
17	Ngô Thị Việt		8/5/1982	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
18	Dương Văn Ước	06/7/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
19	Bùi Quang Tuấn	06/8/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
20	Trần Văn Tình	12/1/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
21	Đào Thị Soa		9/9/1983	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
22	Lê Văn Tuyển	01/04/1982		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
23	Lưu Hồng Sơn	29/6/1984		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
24	Nguyễn Đức Toàn	06/03/1980		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
25	Trần Thị Mỹ Nương		01/01/1989	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
26	Phạm Nam Định	09/12/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	

9. VKSND tỉnh Đồng Tháp (02 người)

1	Nguyễn Quốc Huy	14/4/1985		Kiểm tra viên	Văn phòng	
2	Bùi Thanh Sang	17/11/1989		Kiểm tra viên	Văn phòng	

10. VKSND tỉnh Gia Lai (06 người)

1	Lê Nguyễn Thanh Thảo		14/7/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
---	----------------------	--	-----------	---------------	-----------------	--

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
2	Đỗ Lâm Bảo Long	25/12/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
3	Lê Thị Trang		03/8/1983	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
4	Ma Thị Thương		09/12/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
5	Dương Hoài Bảo	10/12/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	
6	Đinh Ngọc Thảo		03/5/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 14	

11. VKSND thành phố Hà Nội (74 người)

1	Lê Hoàng An	5/10/1991		Kiểm tra viên	Phòng 2	
2	Nguyễn Thu Hiền		7/4/1992	Kiểm tra viên	Phòng 9	
3	Nguyễn Đức Long	10/1/1989		Kiểm tra viên	Phòng 11	
4	Nguyễn Tiến Sơn	24/8/1989		Kiểm tra viên	Phòng 15	
5	Đặng Anh Tuấn	14/12/1990		Kiểm tra viên	Văn phòng	
6	Nguyễn Châm Anh		20/6/1996	Kiểm tra viên	Văn phòng	
7	Mai Như Ý	19/11/1996		Kiểm tra viên	Văn phòng	
8	Đặng Thị Tâm		22/4/1989	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
9	Nguyễn Thị Ngọc Anh		25/5/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
10	Phạm Thị Hồng Vân		21/9/1987	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
11	Nguyễn Mai Linh		27/1/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
12	Phạm Đoàn Hùng	13/8/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
13	Nguyễn Thùy Hoa		28/4/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
14	Nguyễn Thị Minh Hà		26/12/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
15	Trương Thạch Tú	11/8/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
16	Trần Tuấn Anh	1/9/1989		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
17	Lê Minh Hiếu	24/2/1998		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
18	Trần Thị Thu Hà		29/9/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
19	Trịnh Hương Thảo		10/11/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
20	Trịnh Thị Phương Thảo		14/3/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
21	Vũ Đức Mạnh	24/8/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
22	Nguyễn Phương Linh		6/8/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
23	Nguyễn Hòa Trang		5/3/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
24	Trần Quang Huân	13/8/1989		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
25	Dương Phi Hùng	17/5/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
26	Phạm Phú Ngọc Hùng	31/12/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
27	Nguyễn Thị Hà Phương		23/10/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
28	Nguyễn Kim Anh		28/8/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
29	Nguyễn Thị Nhung		9/7/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
30	Bùi Thị Minh Huyền		12/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
31	Nguyễn Đình Phan Anh	13/4/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
32	Nguyễn Mậu Ngọc	29/5/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
33	Lê Văn Duy	10/12/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
34	Lại Đức Cường	02/01/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
35	Đinh Mạnh Hùng	12/8/1989		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
36	Hoàng An	01/7/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
37	Nguyễn Thanh Bình		10/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
38	Hoàng Thị Hải		20/10/1988	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
39	Dương Bá Đoàn	13/8/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
40	Nguyễn Nam Giang	17/1/1977		Chuyên viên	VKSND khu vực 4	
41	Bý Thị Minh Phương		21/10/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
42	Phan Trung Hiếu	23/9/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
43	Ngô Trung Hiếu	31/8/1994		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
44	Ngô Việt Anh	21/9/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
45	Phan Quốc Nghiệp	15/11/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
46	Trần Hải Linh		30/1/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
47	Dương Trung Kiên	14/4/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
48	Thạch Thị Liên		29/6/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
49	Nguyễn Văn Anh		27/6/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
50	Nguyễn Sơn Tùng	16/9/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
51	Nguyễn Thùy Dương		4/3/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
52	Lê Thị Mận		12/4/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
53	Nguyễn Thị Hồng Phúc		27/2/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
54	Trịnh Thị Hồng Thủy		5/1/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
55	Nguyễn Thị Tổ Trinh		24/3/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
56	Lê Thị Huệ		02/6/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
57	Phạm Văn Cường	5/10/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
58	Nguyễn Tuấn Anh	31/5/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
59	Trần Thị Ngân		29/9/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
60	Phạm Ngọc Hà	01/3/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
61	Lưu Văn Kiên	2/5/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
62	Đào Duy Tùng	14/10/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
63	Đinh Huy Trang	02/3/1987		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
64	Tạ Tường Hiệu	18/8/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
65	Lê Thị Hương Nhụy		01/12/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
66	Ngô Thị Thúy		12/8/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
67	Nguyễn Ngọc Anh	24/11/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
68	Nguyễn Thành Vũ	24/7/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
69	Nguyễn Hữu Chính	28/7/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
70	Lê Thị Cẩm Linh		20/6/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
71	Trần Mạnh Hùng	27/3/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
72	Lê Thị Minh Hồng		09/10/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	
73	Đào Xuân Tú	07/11/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	
74	Nguyễn Văn Trung	7/10/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
12. VKSND tỉnh Hà Tĩnh (10 người)						
1	Nguyễn Thị Hải Ngọc		5/5/1991	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Trương Phương Nga		26/12/1989	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
3	Trần Thị Thanh Quý		5/9/1990	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
4	Trương Thị Hương Giang		2/10/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
5	Nguyễn Thị Khánh Như		29/8/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
6	Phạm Thùy Linh		14/6/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
7	Hà Mạnh Cầm	12/8/1986		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
8	Nguyễn Hồng Hiếu	11/11/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
9	Lê Quốc Mỹ	15/8/1989		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
10	Nguyễn Thị Tú Anh		7/2/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
13. VKSND thành phố Hải Phòng (06 người)						
1	Nguyễn Trung Đức	30/8/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
2	Lý Thị Ngoan		02/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
3	Nguyễn Thị Lâm Vân		05/8/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
4	Nguyễn Thùy Trang		27/5/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
5	Phạm Công Hoàng Anh	19/3/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
6	Đặng Quốc Trọng	17/02/1985		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
14. VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (24 người)						
1	Nguyễn Thị Ngọc Hòa		12/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
2	Võ Lê Chính Trung	16/3/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
3	Vũ Nga Phương		15/10/1977	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
4	Lê Đình Hưng	1/9/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
5	Phạm Nguyễn Hoàng Phúc	29/02/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
6	Nguyễn Đức Nghĩa	31/1/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
7	Lê Thị Cẩm Tú		28/2/1981	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
8	Dương Cao Minh	26/11/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
9	Đinh Nữ Thùy Linh		23/4/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 12	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
10	Phạm Thị Hằng		22/5/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 14	
11	Nguyễn Văn Chiến	17/2/1982		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 16	
12	Nguyễn Văn Ngọc	13/10/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 16	
13	Phan Thụy Băng Sương		22/7/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 17	
14	Phạm Tấn Tài	20/11/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 17	
15	Đoàn Thị Ngọc Huyền		4/1/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 18	
16	Nguyễn Công Nguyên	6/2/1988		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 19	
17	Trần Nguyễn Huy Chương	6/12/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 19	
18	Nguyễn Duy Anh	29/8/1994		Kiểm tra viên	Phòng 1	
19	Phan Mai Thanh Trà		16/5/1996	Kiểm tra viên	Phòng 3	
20	Nguyễn Thị Hoàng Anh		19/5/1995	Kiểm tra viên	Phòng 3	
21	Vũ Thị Diệu Linh		17/8/1995	Kiểm tra viên	Phòng 8	
22	Đoàn Nguyễn Tâm Đan		1/1/1995	Kiểm tra viên	Phòng 8	
23	Nguyễn Hồng Diễm		18/3/1995	Kiểm tra viên	Phòng 9	
24	Phan Mạnh Cường	7/11/1995		Kiểm tra viên	Văn phòng	

15. VKSND thành phố Huế (03 người)

1	Hồ Ngọc Tố Nga		3/6/1979	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
2	Phạm Văn Thống	10/9/1986		Chuyên viên	VKSND khu vực 2	
3	Nguyễn Thị Lan Hương		12/10/1986	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	

16. VKSND tỉnh Hưng Yên (09 người)

1	Phạm Văn Việt	14/2/1979		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
2	Nguyễn Thị Hòa		23/11/1988	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
3	Nguyễn Gia Phong	13/4/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
4	Vũ Hoàng Gia	20/8/1986		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
5	Nguyễn Phú Tiêm	10/11/1982		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
6	Nguyễn Huy Đạt	8/1/1983		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
7	Lâm Thị Xuyến		7/5/1989	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
8	Trần Thị Thúy Nga		8/2/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
9	Trần Văn Vương	9/2/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	

17. VKSND tỉnh Khánh Hòa (05 người)

1	Trần Đăng Khoa	2/8/1996		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Nguyễn Bá Nhiều	26/2/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
3	Nguyễn Tiến Dũng	26/1/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
4	Nguyễn Phương Thảo		20/9/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
5	Nguyễn Tiến Phong	06/9/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	

18. VKSND tỉnh Lạng Sơn (01 người)

1	Nguyễn Trà My		9/12/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
---	---------------	--	-----------	---------------	-----------------	--

19. VKSND tỉnh Lào Cai (13 người)

1	Hà Hải Nam	22/12/1995		Kiểm tra viên	Phòng 2	
2	Đồng Thu Hoài		10/9/1996	Kiểm tra viên	Phòng 8	
3	Trần Thị Trà Giang		29/6/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
4	Trịnh Văn Hoàng	14/2/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
5	Nông Thị Hương Ly		7/5/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
6	Nguyễn Minh Khải	16/12/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
7	Nguyễn Khoa Kiều Tâm		26/10/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
8	Đỗ Khánh Quỳnh		11/3/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
9	Vũ Thùy Linh		11/3/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
10	Nguyễn Thị Khánh Huyền		8/12/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
11	Nguyễn Quang Triều	24/11/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
12	Lục Thị Thùy Hương		3/8/1988	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
13	Trần Thị Hải Yến		14/9/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
20. VKSND tỉnh Lâm Đồng (02 người)						
1	Nguyễn Thị Hậu		10/5/1995	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Nguyễn Văn Khả	03/04/1983		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
21. VKSND tỉnh Ninh Bình (11 người)						
1	Dương Việt Cường	14/9/1991		Kiểm tra viên	Phòng 1	
2	Vũ Đức Toàn	29/11/1994		Kiểm tra viên	Phòng 3	
3	Mai Thị Hồng Thu		2/7/1994	Kiểm tra viên	Phòng 15	
4	Nguyễn Thị Thu Trang		8/12/1995	Kiểm tra viên	Thanh tra - Khiếu tố	
5	Bùi Tú Anh		24/10/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
6	Đặng Thanh Tùng	19/7/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
7	Phùng Ngọc Dương	6/3/1984		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
8	Phan Hương Giang		30/11/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
9	Hoàng Ngọc Toàn	17/9/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
10	Đinh Tài Linh		31/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	
11	Đinh Hoàng Anh		22/6/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
22. VKSND tỉnh Nghệ An (08 người)						
1	Nguyễn Hương Ly		2/9/1995	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Lê Hoàng Quân	17/11/1992		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
3	Nguyễn Huy Thắng	20/4/1994		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
4	Nguyễn Thị Phương Trang		19/12/1994	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
5	Hoàng Văn Phúc	3/9/1995		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
6	Nguyễn Thị Ngân		15/10/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
7	Quách Thị Thu		4/7/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
8	Nguyễn Đình Khôi	5/5/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
23. VKSND tỉnh Phú Thọ (10 người)						
1	Nguyễn Thu Nga		15/9/1995	Kiểm tra viên	Phòng 15	
2	Phạm Thùy Trang		10/4/1991	Kiểm tra viên	Văn phòng	
3	Hoàng Tiến Hòa	22/10/1980		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
4	Phan Mạnh Duy	01/4/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
5	Phùng Ngọc Yến		31/8/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
6	Vũ Thế Chung	15/02/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
7	Lê Thị Thu Hương		23/10/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
8	Bùi Thu Trang		27/5/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 9	
9	Nguyễn Thị Điệp Anh		08/3/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
10	Nguyễn Vũ Trung	15/7/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 17	
24. VKSND tỉnh Quảng Ninh (05 người)						
1	Hoàng Mỹ Hạnh		9/12/1996	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Nguyễn Mạnh Cường	17/8/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
3	Vũ Thị Vân Anh		28/4/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
4	Lê Đức Trung	30/3/1995		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
5	Đỗ Hoàng Hiệp	6/6/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
25. VKSND tỉnh Quảng Ngãi (02 người)						
1	Dương Văn Hùng	20/5/1997		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
2	Nguyễn Thị Ánh Vân		12/2/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
26. VKSND tỉnh Quảng Trị (11 người)						
1	Trần Thị Lệ Thuyên		23/2/1983	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		18/9/1992	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
3	Trương Nhật Linh		28/2/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
4	Trần Thị Nhật Thủy		29/1/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
5	Phạm Thị Mỹ Hà		22/6/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
6	Lê Thị Thủy Linh		20/10/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
7	Tổng Mỹ Linh		10/8/1992	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
8	Nguyễn Thị Hoài Trinh		4/8/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
9	Phạm Thị Thanh Nhân		1/3/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
10	Trần Anh Quỳnh		5/5/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
11	Nguyễn Thị Ngân Hà		25/7/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
27. VKSND tỉnh Sơn La (01 người)						
1	Phạm Thị Hiền		10/7/1997	Kiểm tra viên	Phòng 7	
28. VKSND tỉnh Tuyên Quang (04 người)						
1	Hoàng Nghĩa Bình	9/6/1990		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
2	Lý Vũ Việt Hà		10/9/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
3	Hùng Thị Minh		27/7/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
4	Trương Tiến Tú	23/12/1996		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 3	
29. VKSND tỉnh Thái Nguyên (09 người)						
1	Hoàng Tố Uyên		12/11/1994	Kiểm tra viên	Phòng 1	
2	Hà Thị Kim Chi		02/7/1997	Kiểm tra viên	Phòng 2	
3	Đỗ Xuân Thắng	18/7/1988		Kiểm tra viên	Văn phòng	
4	Bế Thanh Thủy		02/9/1993	Kiểm tra viên	Văn phòng	
5	Trần Thị Thu Thảo		01/5/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
6	Bùi Thị Ngọc Mai		01/12/1993	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
7	Lưu Thị Cảnh Thương		20/9/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
8	Lê Thị Yến		17/11/1996	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 5	
9	Triệu Hồng Dương		26/3/1997	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 6	

30. VKSND tỉnh Thanh Hóa (06 người)

1	Bùi Thị Dung		9/9/1986	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Hoàng Thị Thanh Dung		5/3/1995	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
3	Trương Thu Thủy		27/6/1989	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
4	Nguyễn Thị Quyên		9/10/1996	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
5	Cao Thị Thu Hà		5/11/1979	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
6	Lê Thị Thanh		20/11/1983	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	

31. VKSND tỉnh Vĩnh Long (18 người)

1	Nguyễn Thị Thu Cúc		2/10/1994	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
2	Lê Hạt Kiel	4/10/1987		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
3	Phùng Thị Cẩm Nguyên		24/10/1987	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
4	Nguyễn Duy Đây	25/5/1985		Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
5	Nguyễn Thị Ánh Linh		12/11/1993	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
6	Lê Anh Thư		6/9/1985	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
7	Lê Thị Thu Hương		13/7/1986	Kiểm tra viên	VKSND tỉnh	
8	Nguyễn Quốc Ngữ	30/12/1986		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
9	Diệp Thị Thu Thảo		1/1/1991	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 1	
10	Trần Minh Tuấn	20/11/1982		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 2	
11	Sơn Thanh Tâm	1/4/1981		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
12	Thân Lâm Cẩm Tú		19/9/1994	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 4	
13	Nguyễn Văn Nhanh	20/6/1986		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 7	
14	Nguyễn Mai Diễm Phúc		28/8/1998	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 8	
15	Hoàng Thanh Tâm	3/3/1991		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
16	Nguyễn Trương Thế Hiển	18/3/1993		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			
17	Huỳnh Mai Phương Thảo		8/1/1995	Kiểm tra viên	VKSND khu vực 10	
18	Phan Thanh Toàn	1/2/1992		Kiểm tra viên	VKSND khu vực 11	
32. VKSND tỉnh Cao Bằng: không.						
33. VKSND tỉnh Lai Châu: không.						
34. VKSND tỉnh Tây Ninh: không.						